TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa***: Ông Lý Đêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích V, sinh năm 1978; (Có mặt)

- Bị đơn: Anh An Tài T (A B), sinh năm 1978; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Nhà không số ấp A, xã B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị Bích V trình bày:

Vào năm 2001, chị Phạm Thị Bích V kết hôn với anh An Tài T, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/4/2009. Thời gian đầu, chị V và T sống chung hạnh phúc, đã có với nhau 02 con chung là cháu An Hiếu N, giới tính nam, sinh ngày 13/01/2002

và cháu An Hiếu T1, giới tính nam, sinh ngày 05/01/2018. Do chị V và anh T thường tranh chấp cãi vã làm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt nên sống chung không còn hạnh phúc nữa.

Nay chị Phạm Thị Bích V yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết, ly hôn với anh An Tài T.

- Về con chung: Cháu An Hiếu N có nguyện vọng sống với mẹ, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng; Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu An Hiếu T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị V không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn An Tài T trình bày:

Anh T thừa nhận về thời điểm kết hôn, quá trình sống chung, việc phát sinh mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của chị V là đúng sự thật; anh T vẫn còn yêu thương vợ nhưng vợ cương quyết ly hôn nên anh T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị V.

- Về con chung: Cháu An Hiếu N có nguyện vọng sống với mẹ, cháu An Hiếu T1 còn nhỏ nên anh T đồng ý giao cả hai cháu cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T sẽ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với mỗi cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; thể hiện được những nội dung sau*:

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2019 của Tòa án đối với con chung của anh T và chị V (Bút lục 21), xác định được nguyện vọng của cháu An Hiếu N là được sống với chị Phạm Thị Bích V.

- Tại Biên bản xác minh ngày 05/11/2019 của Tòa án đối với Ủy ban nhân dân xã B về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị V (Bút lục 45), xác định được: Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh T và chị V vào ngày 27/4/2009; anh T và chị V có 02 con chung là cháu An Hiếu N và cháu An Hiếu T1; còn việc phát sinh tranh chấp, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh T và chị V cụ thể thế nào, Ủy ban nhân dân xã B không rõ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa*:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, có tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

- Về nội dung giải quyết vụ án; Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phạm Thị Bích V được ly hôn với anh An Tài T;

+ *Về con chung*: Giao cho chị Phạm Thị Bích V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu An Hiếu N và cháu An Hiếu T1. Anh T phải cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, đối với mỗi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Phạm Thị Bích V yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về con chung và cấp dưỡng với anh An Tài T, yêu cầu trên được quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Anh An Tài T cư trú tại ấp A, xã B, thị xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Phạm Thị Bích V, anh An Tài T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đủ cơ sở khẳng định chị V và anh T kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cuộc sống chung của chị V và anh T hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể giải quyết mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, dù sống chung nhà nhưng mạnh

ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Giữa chị V và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, chịu sự điều chỉnh của pháp luật nhưng chị V và anh T đã không còn quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, được ly hôn với anh An Tài T.

[3] Về con chung: Chị V và anh T cùng thống nhất, giao chị V trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị Phạm Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng cháu An Hiếu N và cháu An Hiếu T1.

[4] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, anh T cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, đối với mỗi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đượng sự khẳng định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích V được ly hôn với anh An Tài T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng cháu An Hiếu N, giới tính nam, sinh ngày 13/01/2002 và cháu An Hiếu T1, giới tính nam, sinh ngày 05/01/2018.

Trong thời gian chị V trực tiếp nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự trông nôn, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng: Anh An Tài T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với 01 con chung, cấp dưỡng đến khi cháu N, cháu T1 thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù Bản án xét xử vụ án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị V có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đượng sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007999 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh An Tài T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thanh